

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HSST
Ngày 14-5-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Hiền

Thẩm phán: Bà Lê Thị Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Tuấn, ông Vi Tuấn Dũng và ông Hoàng Gia Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thúy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Quang Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2018/TLST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Nông Văn K, sinh ngày 15/7/1995 tại tỉnh Cao Bằng.

Nơi cư trú tại xóm KĐ, xã TH, huyện HL, tỉnh Cao Bằng; không nghề nghiệp; trình độ văn hóa lớp 10; dân tộc Nùng; giới tính Nam; không tôn giáo; quốc tịch Việt Nam; con ông Nông Văn S và bà Lương Thị H; chưa có vợ con; không tiền án, tiền sự;

Nhân thân:

- Tại bản án hình sự phúc thẩm số 306/2012/HSPT ngày 19/6/2012 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự (được xóa án tích theo khoản 1 Điều 107 và khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015).

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 40/2012/HSST ngày 27/4/2012 bị Tòa án nhân dân thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự (được xóa án tích theo khoản 1 Điều 107 và khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015).

Bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên từ ngày 25/10/2017 đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn K (do Đoàn luật sư cử theo yêu cầu của Tòa án): Luật sư Nguyễn Văn T, Văn phòng luật sư AT thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

- Người làm chứng:

+ Anh Vũ Tuấn A, sinh năm 1993; đang cải tạo tại Trại giam Phú Sơn 4 Bộ Công an; có mặt.

+ Chị Trần Thúy H1, sinh năm 1976; đang cải tạo tại Trại giam Phú Sơn 4 Bộ Công an; có mặt.

+ Anh Nông Trung H, sinh năm 1977; đang cải tạo tại Trại giam Phú Sơn 4 Bộ Công an; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 14 giờ ngày 02/9/2015 tại xóm BB, xã YN, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên, tổ công tác của Đội 5, Cục điều tra chống buôn lậu thuộc Tổng cục Hải quan phối hợp với Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Nguyên đang làm nhiệm vụ tại khu vực trên phát hiện xe ô tô nhãn hiệu Toyota màu đen, biển số 11A-008.21 đang dừng đỗ ở lề đường quốc lộ 3, trên xe có ba người có biểu hiện nghi liên quan đến hoạt động mua bán ma túy gồm: Vũ Tuấn A, trú tại thị trấn TN, huyện HL, tỉnh Cao Bằng; Trần Thúy H1 và Nông Trung H, đều trú tại phường SB, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra kết quả thu giữ: 01 túi xách màu đen Vũ Tuấn A đang xách ở tay bên trong đựng 01 túi ni lon màu trắng chứa chất tinh thể màu trắng có trọng lượng 912,83 gam (được niêm phong ký hiệu A); trong chiếc ba lô màu xanh đặt tại băng sau của hàng ghế sau xe ô tô 01 túi ni lon màu trắng chứa chất tinh thể màu trắng có trọng lượng 608,22 gam (được niêm phong ký hiệu A1). Tổng trọng lượng chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy tổng hợp thu giữ của Vũ Tuấn A, Trần Thúy H1, Nông Trung H là 1.521,05 gam.

Tại Kết luận giám định số 272/GĐMT ngày 08/9/2015 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận có nội dung: 1.521,05 gam chất tinh thể màu trắng thu giữ của Vũ Tuấn A, Trần Thúy H1, Nông Trung H có thành phần của chất ma túy tổng hợp là Methamphetamine.

Tại Kết luận giám định số 8968/C54(TT2) ngày 20/10/2015 Viện khoa học hình sự thuộc Tổng cục cảnh sát kết luận có nội dung: 1.521,05 gam chất tinh thể màu trắng thu giữ của Vũ Tuấn A, Trần Thúy H1, Nông Trung H hàm lượng Methamphetamine lần lượt là 71,4%, 72,7%. Tương ứng là 1.093,93 gam Methamphetamine tinh chất.

Quá trình điều tra, hành vi phạm tội của Nông Văn K, Vũ Tuấn A, Trần Thúy H1, Nông Trung H được làm rõ như sau:

Trong thời gian Trần Thúy H1 cải tạo tại Trại giam Phú Sơn 4 Bộ Công an, H1 quen biết một người phụ nữ giới thiệu tên là H2 người Thái Nguyên. Ngày 25/8/2015 H2 gọi điện cho H1 hỏi mua ma túy, H1 nhận lời và hẹn khi nào có sẽ liên lạc. Sau đó H1 gọi điện cho Vũ Tuấn A là người quen hỏi tìm nguồn ma túy, Tuấn A đồng ý và nói sẽ trả lời sau.

Ngày 28/8/2015 Tuấn A đến gần khu vực biên giới với Trung Quốc thuộc xã VC, huyện HL, tỉnh Cao Bằng gặp một người đàn ông người Trung Quốc quen biết Tuấn A tên là Cố C hỏi mua hai kg ma túy đá, Cố C đồng ý bán với giá 250 triệu đồng một kg và hẹn khi nào có sẽ thông báo cho Tuấn A.

Ngày 29/8/2015 Cố C gọi điện cho Tuấn A thông báo đã có ma túy đá và hẹn địa điểm giao ma túy. Sau đó Tuấn A gọi điện thông báo cho H1 đã tìm được người bán ma túy. Sau khi H1 gọi điện thoại cho người tên là H2 trao đổi mua bán rồi H1 gọi điện thông báo cho Tuấn A là khách lấy hai kg ma túy đá, giá 380 triệu đồng một kg và bảo Tuấn A mang ra thành phố CB cho H1.

Khoảng 19 giờ ngày 31/8/2015 Tuấn A đi đến dốc Keng Pàng thuộc xã VQ, huyện HL, tỉnh Cao Bằng để gặp Cố C. Tại đây Cố C đưa cho Tuấn A một túi vải màu đen bên trong có 02 túi ni lon đựng ma túy đá. Tuấn A và Cố C thống nhất khi nào bán thì Tuấn A sẽ cân cụ thể và mang tiền về trả cho Cố C. Sau khi nhận được ma túy, Tuấn A gọi điện cho Nông Văn K (là người quen khi năm 2012 Tuấn A và K cùng bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng) bảo K vận chuyển ma túy ra thành phố CB cho Tuấn A. Tuấn A sau khi gặp K đã giao túi đựng ma túy đá trên cho K cất giấu vào cốp xe máy của K bảo K vận chuyển ra thành phố CB. Sau khi K vận chuyển ma túy ra thành phố CB, đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Tuấn A và K gặp nhau như đã hẹn. Tại đây Tuấn A trao đổi với K là mỗi người nghỉ một nhà nghỉ qua đêm hẹn sáng hôm sau gặp nhau ở NP, huyện NS, tỉnh Bắc Kạn. Sau đó Tuấn A gọi điện cho H1 thông báo là đã có ma túy đá ở NP, huyện NS, tỉnh Bắc Kạn. Tối hôm đó Tuấn A nghỉ ở nhà nghỉ KD, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng.

Sáng 01/9/2015 Nông Trung H lái xe ô tô đưa H1 đến nhà nghỉ KD đón Tuấn A để xuống Thái Nguyên bán ma túy. Khi đến ngã ba NP, huyện NS, tỉnh Bắc Kạn thì Tuấn A xuống xe ô tô sau đó đi vào nhà cô ruột của Tuấn A tên là B ở thôn TL, xã HH, huyện BB1, tỉnh Bắc Kạn, còn H1 và H đi xe xuống Thái Nguyên gặp khách trao đổi thống nhất địa điểm mua bán ma túy. Sau đó Tuấn A gọi điện cho K hướng dẫn K đi xe máy vào nhà cô của Tuấn A cùng ăn cơm và nghỉ ở đó. Đến 17 giờ cùng ngày, H1 điện thoại cho Tuấn A bảo mang ma túy ra ngã ba NP để mang đi bán. Tuấn A sau khi nghe điện thoại của H1 đã mang túi ma túy đá đi xe máy của K đèo K đến điểm hẹn. Khi gặp H1 và H, Tuấn A đem ma túy lên xe ô tô ngồi phía sau, còn K đi xe máy quay lại nhà cô của Tuấn A chờ. H điều xe ô tô chở H1, Tuấn A đến nhà nghỉ TM ở thành phố BK, tại đây H1 bảo để ma túy trên xe ô tô để bị lộ nên cả ba người thống nhất mang ma túy đi chỗ khác cất giấu. Lúc này Tuấn A gọi điện cho K bảo K đi xe máy về thành phố BK mục đích cho hai túi ma túy vào cốp xe máy của K sau đó mang xe đi

gửi. H nói có người quen là Linh Quang T2 nhà ở phường NTMK, thành phố BK và H gọi điện cho T1 nhờ gửi chiếc xe máy của K trong cốp xe có ma túy nhưng không nói cho T1 trong cốp xe máy có ma túy, T1 đồng ý. Sau đó H, H1, Tuấn A đi xe ô tô ra đón K và H1 lấy ma túy từ trên xe ô tô xuống cho vào trong cốp xe máy của K rồi H1 đi xe máy của K đến nhà T1 gửi, còn H đưa Tuấn A, K vào nhà nghỉ TM sau đó quay lại đón H1. Tối hôm đó cả 04 ngủ tại phòng 203 nhà nghỉ TM, thành phố BK.

Sáng ngày 02/9/2015 sau khi ăn sáng và uống cà phê xong, khoảng 10 giờ H đưa H1 vào nhà T1 lấy xe máy, sau đó giao xe máy trong cốp có 02 túi ma túy cho K rồi cùng nhau đến thuê phòng 303 khách sạn NH, thành phố BK để chờ thông tin của H2. Khoảng 12 giờ thì H2 gọi điện cho H1 bảo mang ma túy về thị trấn CM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn, còn H2 đi từ Thái Nguyên lên, trên đường gặp nhau ở đâu thì trao đổi mua bán ma túy ở đó. Sau đó cả bốn người thống nhất H điều khiển xe ô tô chở H1 và Tuấn A đi trước, còn K đi xe máy mang ma túy đi sau, khi gặp khách giao dịch thỏa thuận xong sẽ thông báo cho K mang ma túy đến để giao cho khách.

Trên đường đi đến khu vực xóm BB, xã YN, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên, H1 nhận ra chiếc xe ô tô 7 chỗ màu trắng đi ngược chiều là xe của H2 là người mua ma túy, Tuấn A và H1 bảo H dừng xe để hai người đi sang xe của H2 mục đích để kiểm tra tiền trước khi giao ma túy. Khi vào trong xe, Tuấn A thấy có một người đàn ông, một người phụ nữ không rõ tên tuổi, địa chỉ. Tuấn A kiểm tra tiền thấy đủ liền gọi điện cho H đi gặp K để lấy ma túy giao cho khách. H lái xe ô tô quay lại hướng Bắc Kạn gặp K lấy ma túy cho lên xe ô tô rồi đi xuống chỗ Tuấn A và H1, sau đó Tuấn A, H1, H bị bắt và thu giữ vật chứng là hai gói ma túy đá như nêu trên.

Trong vụ án này, Vũ Tuấn A, Trần Thúy H1, Nông Trung H đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử tại bản án hình sự số 30/2016/HSST ngày 17/5/2016.

Đối với Nông Văn K sau khi nghe tin nhóm Tuấn A bị bắt, K đã bỏ trốn đến ngày 25/10/2017 K bị bắt theo lệnh truy nã.

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKS-P1 ngày 26/01/2018 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố Nông Văn K về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nông Văn K cũng khai nhận toàn bộ diễn biến quá trình vận chuyển túi ma túy đá cho Vũ Tuấn A bằng phương tiện xe máy của bị cáo từ Cao Bằng đến các địa điểm và cuối cùng giao cho nhóm Tuấn A tại khu vực thị trấn CM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn như nêu trên. Nhưng bị cáo khai rằng khi Tuấn A giao chiếc túi kiểu ba lô trong có ma túy cho bị cáo cầm giúp thì Tuấn A không nói cho bị cáo biết trong túi có ma túy đá và bị cáo cũng không mở ra xem đó là cái gì. Chỉ đến sáng ngày 02/9/2015 khi cả 04 người đang ở phòng 303 khách sạn NH, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn, thấy H1,

H, Tuấn A nói chuyện với nhau về việc đem hàng trong chiếc túi đó đi bán cho khách thì K mới nghi trong túi là hàng cấm và sau đó bị cáo vận chuyển đến khu vực thị trấn CM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn giao cho H theo sự chỉ đạo của Tuấn A. Bị cáo K nhận đã phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Đối với Vũ Tuấn A, Trần Thúy H1, Nông Trung H vẫn giữ nguyên lời khai về Nông Văn K như đã khai trước đây; Tuấn A còn khai thêm rằng Tuấn A giao cho K chiếc túi kiểu ba lô trong đựng ma túy đá từ xã VQ, huyện HL, tỉnh Cao Bằng cách dốc Keng Pàng khoảng 2km chứ không phải đến thành phố CB mới giao cho K như K khai.

Trong lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên sau khi trình bày tóm tắt nội dung vụ án; đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận và đề nghị xử phạt bị cáo 20 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy, phạt bổ sung bị cáo từ năm đến bảy triệu đồng và đề nghị xử lý các vật chứng thu giữ của bị cáo K theo Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trong luận cứ của mình nhất trí với tội danh mà cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo nhưng cho rằng lượng ma túy đã được thu hồi nên đã hạn chế được hậu quả xảy ra; bị cáo nhận tội và khai báo tương đối thành khẩn; tham gia với vai trò giúp sức; bị cáo tuổi đời còn trẻ. Từ đó Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án sao cho hợp tình hợp lý để bị cáo còn có cơ hội sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Có đủ căn cứ xác định: Vào hồi 14 giờ ngày 02/9/2015 tại xóm BB, xã YN, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên, Vũ Tuấn A, Trần Thúy H1, Nông Trung H đang chuẩn bị thực hiện hành vi bán trái phép 1.093,93 gam ma túy, loại Methamphetamine tinh chất thì bị Cơ quan điều tra phát hiện bắt giữ. Số ma túy bị thu giữ trên là do Vũ Tuấn A giao cho Nông Văn K vận chuyển bằng xe máy từ xã VQ, huyện HL, tỉnh Cao Bằng qua nhiều chặng đường và địa điểm và cuối cùng về đến thị trấn CM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn K giao cho nhóm Tuấn A thực hiện hành vi mua bán. Do đó bị cáo bị truy tố về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định:

1. Người nào ... mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình:

a)...

e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ ba trăm gam trở lên.

[2] Tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm bởi lẽ bị cáo vận chuyển số lượng ma túy lớn cho Vũ Tuấn A để thực hiện hành vi mua bán. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm theo pháp luật để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Xét vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Trong vụ án này bị cáo tham gia đồng phạm với vai trò là người giúp sức Vũ Tuấn A thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Về nhân thân trước khi phạm tội bị cáo đã hai lần bị kết án về tội nghiêm trọng. Nhưng do tại thời điểm bị kết án bị cáo dưới 18 tuổi nên căn cứ khoản 1 Điều 107 và khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì bị cáo được coi là không có án tích. Tại phiên tòa bị cáo khai báo chưa thực sự thành khẩn nhưng bị cáo nhận tội nên chiếu cố áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 cho bị cáo và bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về hình phạt chính và hình phạt bổ sung: Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết nêu trên thấy có thể xử phạt bị cáo mức án khởi điểm của khung hình phạt là tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, đủ tác dụng trừng trị, giáo dục và phòng ngừa chung.

Ngoài hình phạt chính, cần phạt bổ sung bị cáo bảy triệu đồng nộp ngân sách nhà nước.

[5] Về vật chứng thu giữ của bị cáo được xử lý theo Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6] Về án phí, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Với phân tích và nhận định trên thấy đề nghị của Kiểm sát viên và đề nghị của người bào chữa được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn K phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

1. Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt Nông Văn K 20 (hai mươi) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2017.

Phạt bổ sung Nông Văn K 7.000.000đ nộp ngân sách Nhà nước.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đen đã cũ, có số IMEI 1: 355083/08/009885/5 và số IMEI 2: 355084/08/009885/3 màn hình vỡ, không kiểm tra máy bên trong.

- Tạm giữ của Nông Văn K để đảm bảo thi hành án cho bị cáo K các tài sản gồm: Số tiền 425.000đ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen đã cũ, có số IMEI 1: 356018086935360 và số IMEI 2: 356018086935378, không kiểm tra máy bên trong.

(Tiền và các vật chứng trên hiện đang có tại tài khoản và kho của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nông Văn K phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai có mặt bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Cơ quan THAHS tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo (qua trại giam);
- Lưu hồ sơ vụ án và Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lương Văn Hiến